**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN B**
**TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn N

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Văn B
2. Bà Nguyễn Thị H

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải V -Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa*:

Ông: Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hắc Thị N, sinh năm: 1990

Trú tại: Khu phố T, TT C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm: 1990

Trú tại: Khu phố T, TT C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2022, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị N trình bày: Chị và anh H tự do tìm hiểu, có chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và đi đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013 tại UBND xã L (Nay là thị trấn C), huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình anh H cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2014 chị sinh con sau đó vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không

thể tìm được tiếng nói chung, hiện tại đã ly thân 05 tháng nay, vợ chồng chị cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng vợ chồng thật sự không còn tình cảm với nhau vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bá Thước giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Quỳnh N, sinh ngày 24/12/2014. Hiện nay cháu Quỳnh N đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Không có tài sản, công nợ chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh H đến tòa để làm bản tự khai, tham gia công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hđều vắng mặt. Chị N đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự trong vụ án.

Chủ tọa phiên tòa cho công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, đơn trình bày nguyện vọng của con chung và toàn bộ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hắc Thị N được ly hôn anh Đào Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Đào Quỳnh N, sinh ngày 24/12/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hcó quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N, anh H đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (Nay là thị trấn C), huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm đã không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt, không hóa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân đã được mẹ đẻ của anh Hiếu là bà Nguyễn Thị L xác nhận. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hắc Thị N được ly hôn với anh Đào Văn H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Quỳnh N, sinh ngày 24/12/2014. Từ khi vợ chồng ly thân chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, ly hôn chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Quỳnh N cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ vì vậy giao cháu Quỳnh N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hắc Thị N được ly hôn anh Đào Văn H.

Về con chung: Giao cháu Đào Quỳnh N, sinh ngày 24/12/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên lai số: AA/2021/0008628 ngày 03/10/2022. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sư, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Nga**